TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/DS-ST
Ngày: 14-03-2019
"*V/v tranh chấp đòi tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Danh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Võ Tấn Phước
2. Bà: Phạm Hồng Đượm

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghết, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Dương Thục Trinh- kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2018 về " *Tranh chấp đòi tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 01 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Trịnh Hiếu T, sinh năm 1964 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp 12, xã VHA, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.
2. Bị đơn: Ông Lương Văn H, sinh năm 1973 (vắng mặt)
Nguyễn Thị Bích N (tên gọi khác Trần Thị N), sinh năm 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp TT, xã VH, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 10 năm 2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng N tại phiên tòa – nguyên đơn là bà Trịnh Hiếu T trình bày: Vào năm 2017, bà có cho vợ chồng Lương Văn H, Nguyễn Thị Bích N vay số tiền 110.000.000đ nhận tiền làm 03 lần: lần 1: ngày 28/1/2017 âm lịch vay 40.000.000đ lãi suất 3%/tháng, trả lãi đến ngày 28/8/2017 được 07 tháng số tiền 8.400.000đ; lần 2 ngày 18/2/2017 âm lịch vay 40.000.0000đ lãi xuất 4%/tháng trả lãi đến ngày 18/8/2017 âm lịch được 06 tháng số tiền 9.600.000đ; lần 3 ngày 24/6/2017 âm lịch vay số tiền 30.000.000đ. Thực tế số tiền vay lần thứ ba là tiền của con gái của bà nên ngày 23/1/2019 bà có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 30.000.000đ. Cả 02 lần vay phía bà T có xuất trình biên nhận nợ có chữ ký của ông Lương Văn H. Sau khi vay, thì vợ chồng ông H trả lãi cho 02 khoản vay số tiền 18.000.000đ, còn tiền gốc thì không trả khoản nào. Bà có đến nhà đòi nhiều lần, liên tục nhưng ông H, bà N cứ hứa hẹn nhưng không thực hiện về sau thì tránh mặt và bỏ

đi nơi khác không báo cho bà biết. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông H, bà N trả cho bà số tiền gốc 80.000.000đ và lãi tính theo pháp luật 1/11/2017 âm lịch cho đến khi xét xử sơ thẩm và lãi chậm trả cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên trong giai đoạn thi Hnh án. Ngoài ra, bà không còn có yêu cầu gì khác.

Đối với đồng bị đơn là ông Lương Văn H và bà Nguyễn Thị Bích N, tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ giấy triệu tập, thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự Nng ông H, bà N đều vắng mặt không rõ lý do. Do đó, tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H, bà N.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình:

- Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề xuất: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Hiếu T, buộc ông Lương Văn H, bà Nguyễn Thị Bích N trả cho bà Trịnh Hiếu T số tiền gốc 80.000.000.000đ và lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm, ông H, bà N phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Toà án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu đã tiến Hnh tống đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng dân sự cho ông H, bà N như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm theo quy định, nhưng ông H, bà N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: bà T khẳng định bà cho vợ chồng ông H, bà N vay tiền cụ thể ngày 28/1/2017 âm lịch vay 40.000.000đ lãi suất 3%/tháng, trả lãi đến ngày 28/8/2017 được 07 tháng số tiền 8.400.000đ; lần 2 ngày 18/2/2017 âm lịch vay 40.000.0000đ lãi xuất 4%/tháng trả lãi đến ngày 18/8/2017 âm lịch được 9.600.000đ; lần 3 ngày 24/6/2017 âm lịch vay số tiền 30.000.000đ. Bà T trình bày số tiền 30.000.000đ cho vay lần thứ ba là tiền của con gái của bà nên ngày 23/1/2019 bà có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 30.000.000đ. Sau khi vay, thì vợ chồng ông H trả lãi cho 02 khoản vay số tiền 18.000.000đ, còn tiền gốc thì không trả khoản nào, bà đã nhiều lần tìm gặp ông H để đòi lại số tiền trên, tuy nhiên, ông H không thực hiện cam kết với bà, nhiều lần tránh mặt và nay bỏ đi nơi khác không rõ địa chỉ. Việc ông H, bà N vay mượn tiền của bà T, ông H có viết giấy nhận nợ do chính ông H viết và ký tên, điều này được bà T khẳng định chữ ký và giấy nhận

nợ là do ông H viết, bà cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai, chứng cứ của mình cung cấp cho Tòa. Do vậy, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc vay mượn tiền của ông H, bà N đối với bà T là có xảy ra trên thực tế thể hiện qua "*giấy nhận nợ*" ngày 28/1/2017 và biên nhận ngày 18/2/2017 có chữ ký ông H, sau khi vay mượn nợ ông H luôn lánh mặt không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với bà T điều này thể hiện ông H không có thiện chí trả nợ. Hơn nữa, việc Tòa án đã tống đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng cho ông H, bà N nhưng ông H, bà N không đến Tòa án để làm việc là đã từ bỏ quyền được đưa ra chứng cứ chứng minh của mình đối với bà T. Do đó, đối với yêu cầu của bà T đòi ông H, bà N trả số tiền 80.000.000đ, yêu cầu tính lãi từ ngày 1/11/2017 âm lịch (18/12/2017 dương lịch cho đến khi xét xử sơ thẩm ngày 14/3/2019) là 14 tháng 24 ngày với lãi 1,667%/tháng tương đương 20%/năm thì số tiền lãi được chấp nhận là 19.737.000đ và lãi chậm trả trong giai đoạn thi Hnh án là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Đối với khoản tiền lãi bà T thừa nhận phía ông H, bà N có trả cho bà là 18.000.000đ trong khoản thời gian vay từ tháng 01/2017 đến tháng 8/2017 âm lịch với lãi suất lần lượt là 3% và 4%/ tháng là cao so với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thì "…*lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm*…". Tuy ông H, bà N vắng mặt nên không có ý kiến đối trừ tiền lãi, tuy nhiên theo N nhận định ở trên dù tiền lãi do hai bên tự thỏa thuận Nng vượt quá mức lãi suất nhà nước quy định và để đảm bảo quyền lợi cho ông H, bà N thì cần phải đối trừ. Cụ thể khoản lãi trong thời gian từ khi ông H vay đến khi ông H trả lãi cho bà T tính theo quy định pháp luật là 1.667%/tháng thì số tiền lãi của hai khoản vay là 8.668.400đ; ông H, bà N đã trả lãi được 18.000.000đ; số tiền vượt quá là 9.331.600đ. Ngoài ra bà T yêu cầu tính lãi tiếp theo từ ngày 1/11/2017 âm lịch (18/12/2017 dương lịch cho đến khi xét xử sơ thẩm ngày 14/3/2019) là 14 tháng 24 ngày với lãi 1,667%/tháng tương đương 20%/năm thì số tiền lãi được chấp nhận là 19.737.000đ , đối trừ với số tiền 9.331.600đ thì ông H bà N còn phải trả lãi cho bà T số tiền 10.405.400đ.

[5] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình là có căn cứ, được chấp nhận

[6] Về án phí: Ông H, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; bà T đã dự nộp 2.750.000 đồng tại biên lai thu số 0014477 ngày 10/10/2018 tại Chi cục thi Hnh án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,Điều 217 điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Hiếu T đối với ông Lương Văn H, bà Nguyễn Thị Bích N (tên gọi khác Trần Thị N).

2/. Buộc ông Lương Văn H, bà Nguyễn Thị Bích N trả cho bà Trịnh Hiếu T số tiền 90.405.400.đ (chín mươi triệu, bốn trăm lẻ năm nghìn, bốn trăm đồng) trong đó tiền gốc 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), tiền lãi 10.405.400đ (mười triệu, bốn trăm lẻ năm nghìn bốn trăm đồng).

3/. Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Trịnh Hiếu T đối với yêu cầu ông Lương Văn H, bà Nguyễn Thị Bích N trả số tiền 30.000.000đ

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, Hng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi Hnh án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2, Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi Hnh án dân sự.

4/.Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Lương Văn H, bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu 4.520.270 đồng. Bà Trịnh Hiếu T đã dự nộp 2.750.000 đồng tại biên lai thu số 0014477 ngày 10/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

5. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:

(Đã ký)

LÊ THANH DANH

Nơi nhận
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.